TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2023/HS-PT
Ngày: 27-12-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thụ.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Công Huân

2. Ông Nguyễn Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 458/2023/TLPT-HS ngày 03/11/2023, đối với bị cáo Trịnh Quang S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 438/2023/HSST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Quang S, sinh năm 1973 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký thường trú: A đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A, đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: nam; nghề nghiệp: lái xe; con ông: Trịnh Quang L và bà: Trần Thị H (chết); vợ: Lê Thị Lan C, sinh năm 1980; con: có 02 người, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: 06/4/2023; thay đổi biện pháp tạm giam thành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/4/2023. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 04/4/2023, chị Trần Thị Thu T (sinh năm 1992) điều khiển xe ô tô hiệu Mazda3, màu trắng biển số: 43A-646.36 cùng với chị ruột là Trần Thị Thanh T1 (sinh năm 1988) đi từ G47, khu dân cư S, đường số D L, phường T, thành phố T đến đường H, rồi vào siêu thị E thuộc phường A để mua đồ. Lúc này, Trịnh Quang S đi ngang qua xe ô tô hiệu Mazda3, màu trắng biển số: 43A-646.36, nhìn thấy cửa xe bên phải đang hé mở thì S nghĩ trong xe ô tô sẽ có tài sản, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Do cửa bên phải

vướng vào hàng cây không mở được, nên S đã mở cửa bên trái bước vào bên trong xe, dùng tay phải mở cốp xe phía trước bên phải lấy 01 cái bóp màu nâu, bên trong có 31.016.000 (ba mươi mốt triệu không trăm mười sáu ngàn) đồng và các giấy tờ tùy thân của chị Thu T, bỏ vào túi quần bên phải rồi đi quay lại xe ô tô hiệu Innova màu xám, biển số: 51G-921.61 của S, rời khỏi hiện trường. Khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, chị Thanh T1 đi ra xe trước mở cốp xe bên phải để lấy bóp tiền thì phát hiện mất cái bóp màu nâu nên báo lại cho Thu T biết và đến Công an phường A trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T phối hợp Công an phường A đưa Trịnh Quang S về lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trịnh Quang S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp bóp màu nâu bên trong có 31.016.000 đồng và các giấy tờ tùy thân của chị Thu T.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe ô tô hiệu Innova màu xám, biển số: 51G-921.61 do Trịnh Quang S đứng tên. Ngày 27/4/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô trên cho Trịnh Quang S là chủ sở hữu;

- 01 (một) USB màu trắng có ghi nhận hình ảnh đối tượng lấy trộm ngày 04/4/2023;

- 01 (một) căn cước công dân số: 049192009695l; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 434-646.36; 01 (một) thẻ ngân hàng V số: 4541190920231476; 01 (một) thẻ ngân hàng B số: 5119570071774110; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số: 59F1-714.93 đều mang tên Hằng Thị Lê H1 và số tiền 31.016.000 đồng. Ngày 06/4/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho chị Trần Thị Thu T là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Thu T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 438/2023/HSST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Quang S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”,

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Quang S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 177/2023/HSST-BPNC ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo cho đến khi bị cáo nhận được quyết định thi hành án của Cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2023, bị cáo Trịnh Quang S kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Trịnh Quang S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì mức án sơ thẩm là quá nặng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo, cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Trịnh Quang S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở pháp luật.

Bị cáo Trịnh Quang S kháng cáo xin hưởng án treo và có cung cấp chứng cứ xác nhận nhân thân, nhưng xét thấy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 01 năm tù là đã tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Quang S, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù của bản án sơ thẩm, nhưng được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến ngày 21/4/2023.

Bị cáo Trịnh Quang S không tranh luận, chỉ xin xem xét chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong muốn nhận được mức án khoan hồng để tiếp tục làm việc, lo cho gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Quang S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 04/4/2023, trước Công ty B1, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trịnh Quang S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đối với 01 chiếc bóp màu nâu bên trong có 31.016.000 đồng và các giấy tờ tùy thân của chị Trần Thị Thu T, đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Do đó bản án sơ thẩm số 438/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Trịnh Quang S về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội.

[3] Về kháng cáo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo với lý do cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo hình phạt 01 năm tù là quá nặng, vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 2 con còn nhỏ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội bị cáo là liệt sỹ, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Quang S mức hình phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Quang S có chứng cứ chứng minh là bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc làm ổn định, lâu dài. Xét thấy, trong vụ án này, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cần được xem xét.

Xét, tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo: bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, công việc làm ổn định, có nhân thân tốt và tại phiên tòa thể hiện sự ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa thành người có ích cho xã hội, do đó, căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định là đã

có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo Trịnh Quang S nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Từ những lập luật trên, thấy kháng cáo của bị cáo Trịnh Quang S là có cơ sở nên được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 năm tính kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận hay không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trịnh Quang S được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Quang S; sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: bị cáo Trịnh Quang S 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Quang S cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trịnh Quang S chấp hành hình phạt tù của bản án.

Trường hợp bị cáo Trịnh Quang S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo Trịnh Quang S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo,

kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- THA-DS thành phố Thủ Đức; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (1)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- Bị hại; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (26) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thụ